

Số: 139 /2025/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 21 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên tại Tờ trình số 336/TTr-STC ngày 13 tháng 10 năm 2025 và Văn bản số 2051/BC-STC ngày 17 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên theo quy định tại điểm đ khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 4; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 5; điểm b, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

2. Đối với các nội dung về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị không quy định cụ thể tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên, gồm:
a) Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh); chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh (sau đây gọi là đơn vị trực thuộc).

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); các phòng, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là đơn vị thuộc phạm vi quản lý).

2. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội) khi thực hiện quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại điểm đ khoản 3; điểm b khoản 4 Điều 4; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 5; điểm b, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg thì thực hiện theo quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quyết định này.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

1. Trường hợp cần thiết bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao:

a) Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại phần V, VI, VII, VIII Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại phần VII, VIII Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg:

a) Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá máy móc, thiết bị quy định tại phần V, VI, VII, VIII Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá máy móc, thiết bị quy định tại phần VII, VIII Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung

1. Trường hợp cần thiết bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao; Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg:

a) Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg; điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg; điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục B Phụ lục số II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg:

a) Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, lĩnh vực giáo dục quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg như sau:

a) Sở Y tế quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (ngoài máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, lĩnh vực giáo dục) quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg như sau:

a) Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Tài chính trước khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng. Riêng máy móc, thiết bị chuyên dùng thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hoặc phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải lấy ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ về sự phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học, công nghệ đối với tính năng, dung lượng, cấu hình của máy móc, thiết bị trước khi gửi xin ý kiến Sở Tài chính.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Trong thời gian cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Điều 5 Quyết định này mà cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng nhằm đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và đã được cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí mua sắm thì tiếp tục thực hiện mua sắm theo tiêu chuẩn, định mức đã được quy định còn phù hợp đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định:

a) Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

b) Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Bình.

c) Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Bình.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện Quyết định, giải đáp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trường hợp vượt thẩm quyền.

2. Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 5 Quyết định này có trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đảm bảo kịp thời theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định của mình.

3. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực IV; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ong*

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - hội nghị tỉnh;
- Báo, Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên;
- Lưu VT, TH *ong*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Lê Huy
Nguyễn Lê Huy